

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM BỆNH LÝ, LÂM SÀNG BỆNH SÁN DÂY Ở CHÓ NUÔI TẠI THÁI NGUYÊN

Đỗ Thị Hà*, Trương Thị Tính, Nguyễn Thị Bích Nga
Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Để xác định một số đặc điểm bệnh lý, lâm sàng ở chó bị nhiễm sán dây nuôi tại Thái Nguyên, chúng tôi đã thu thập và xét nghiệm mẫu phân của 947 chó nuôi tại một số huyện/ thành phố thuộc tỉnh Thái nguyên, xác định các biểu hiện bệnh lý, lâm sàng và sự thay đổi một số chỉ tiêu máu ở những chó bị nhiễm sán dây. Kết quả cho thấy: trong 947 chó kiểm tra có 364 chó nhiễm sán dây, chiếm tỷ lệ 38,44%; chó nhiễm sán dây thường có triệu chứng lâm sàng là chó gầy yếu, niêm mạc nhợt nhạt, nôn mửa, chậm lớn, tiêu chảy, ngứa hậu môn, phân có đốt sán. Tổn thương ở chó mắc bệnh là: xuất huyết tại vị trí sán dây bám vào, ruột viêm, có nhiều nốt loét nhỏ, niêm mạc ruột có phủ chất nhầy màu vàng nâu. Chó nhiễm sán dây có số lượng hồng cầu giảm, số lượng bạch cầu tăng, hàm lượng huyết sắc tố giảm, tỷ khối hồng cầu giảm, tỷ lệ bạch cầu trung tính giảm thấp, tỷ lệ bạch cầu ái toan tăng cao so với chó khỏe.

Từ khóa: Chó; bệnh tích; sán dây; Thái Nguyên; triệu chứng.

Ngày nhận bài: 25/6/2020; Ngày hoàn thiện: 19/7/2020; Ngày đăng: 28/7/2020

CLINICAL PATHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF DOGS INFECTED WITH TAPEWORM IN THAI NGUYEN PROVINCE

Do Thi Ha*, Truong Thi Tinh, Nguyen Thi Bich Nga
TNU - College of Economics and Technology

ABSTRACT

This study aimed to identify some clinical pathological characteristics of dogs infected with tapeworms in Thai Nguyen province, we collected and examined fecal of 947 dogs raising in some district/city of Thai Nguyen province, identifying clinical pathological pathological manifestations and hematological changes in dogs infected with tapeworms. Results showed that there were 364 dogs infected in the total 947 dogs, accounted for 38.44%; infected dogs had a weak condition, pale mucous membranes, vomiting, slow growth, diarrhoea, anal itching, and there were many tapeworm proglottides in dog's fecal. The main lesions were: bleeding hemorrhage, cata inflammation, many small ulcers, intestinal mucosa covered with brown –yellow mucus. Dogs infected with many tapeworms had a decrease of red blood cells, an increase of white blood cells, hemoglobin and hematocrit reduced, decrease of neutrophils, an increase of eosinophils.

Keywords: Dogs; lesions; tapeworm; Thai Nguyen; symptoms

Received: 25/6/2020; Revised: 19/7/2020; Published: 28/7/2020

* Corresponding author. Email: tinhthai.tnt@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Ở Thái Nguyên trong những năm gần đây, khi kinh tế phát triển thì ngoài nuôi chó với mục đích giữ nhà, làm chó nghiệp vụ, nhiều người đã chọn mua giống chó ngoại đắt tiền để làm cảnh, làm bạn.

Sự nhập nội nhiều giống chó khác nhau làm cho chó nuôi tại Thái nguyên ngày một nhiều và đa dạng.

Khi chăn nuôi chó phát triển thì tình hình dịch bệnh cũng diễn biến phức tạp hơn. Ngoài những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thì bệnh do ký sinh trùng cũng gây nhiều thiệt hại cho chó, trong đó có bệnh sán dây.

Bệnh sán dây là một bệnh ký sinh trùng nguy hiểm. Khi ký sinh trong ống tiêu hóa, sán dây chiếm đoạt các chất dinh dưỡng làm cho chó gầy yếu, suy nhược. Các móc bám của sán tác động trong ruột của chó gây viêm xuất huyết, chó bị tiêu chảy nặng sẽ kiệt sức và chết (Tô Du và Xuân Giao, 2006 [1]).

Điều đáng quan tâm là một số loài sán dây ký sinh trên chó cũng là tác nhân gây bệnh cho người, các động vật nuôi khác và gây hậu quả nghiêm trọng (Bùi Quý Huy, 2006 [2]).

Do vậy, nghiên cứu về đặc điểm bệnh lý và lâm sàng bệnh sán dây ở chó là rất cần thiết, làm cơ sở để xây dựng quy trình phòng trị bệnh có hiệu quả cao.

2. Vật liệu, nội dung, phương pháp nghiên cứu

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Chó nuôi ở Thái Nguyên.
- Mẫu phân mới thải của chó (xét nghiệm tìm đốt sán dây).
- Chó ở các lứa tuổi (mổ khám tìm sán dây).
- Mẫu máu chó mắc bệnh sán dây và chó khỏe.

- Bệnh phẩm gồm các đoạn ruột non của chó bị bệnh sán dây.

- Kính hiển quang học có gắn máy ảnh, lamên, lam kính, các hoá chất, dụng cụ thí nghiệm khác.

2.2. Nội dung nghiên cứu

- Tỷ lệ nhiễm sán dây chó ở các địa phương (qua xét nghiệm phân).

- Tỷ lệ và những biểu hiện lâm sàng của chó bị bệnh sán dây.

- Bệnh tích đại thể, vi thể ở cơ quan tiêu hóa của chó bị bệnh sán dây

- Sự thay đổi một số chỉ số huyết học của chó bị bệnh sán dây

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập mẫu phân chó theo phương pháp lấy mẫu phân tầng.

- Xác định tỷ lệ nhiễm bằng phương pháp lắng cặn Benedek (1943).

- Mổ khám chó bằng phương pháp mổ khám phi toàn diện [3].

- Xác định triệu chứng bằng phương pháp kiểm tra lâm sàng.

- Bệnh tích đại thể được xác định bằng cách quan sát bằng mắt thường và kính lúp những tổn thương ở đường tiêu hóa do sán dây gây ra.

- Các chỉ tiêu huyết học được xác định bằng máy Osmetech OPTI – CCA/Blood Gas Analizer tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Nguyên.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tỷ lệ nhiễm sán dây ở chó nuôi tại một số địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên (qua xét nghiệm phân)

Kết quả bảng 1 cho thấy: có 364 trong tổng số 947 chó nuôi tại Thái Nguyên xét nghiệm tìm thấy đốt sán trong phân, chiếm tỷ lệ 38,44%.

Bảng 1. Tỷ lệ nhiễm sán dây ở chó (qua xét nghiệm phân)

Địa phương	Số mẫu kiểm tra (mẫu)	Số mẫu nhiễm (mẫu)	Tỷ lệ (%)
H. Đồng Hỷ	310	128	41,29
H. Phú Bình	315	139	44,13
TP. Thái Nguyên	322	97	30,12
Tính chung	947	364	38,44

3.2. Tỷ lệ và những biểu hiện lâm sàng của chó bị bệnh sán dây

Kết quả bảng 2 cho thấy: Trong 135 chó nhiễm sán dây, có 98 chó có biểu hiện triệu chứng lâm sàng, chiếm tỷ lệ 72,59%.

Các biểu hiện triệu chứng gồm: phân có đốt sán dây (100%); chó thường cụp đuôi, cong lưng, ngoảnh lại liếm hậu môn hoặc cọ hậu môn xuống nền (63,27%) hoặc quan sát thấy cả đoạn sán dây lửng lơ ở hậu môn (9,18%); cơ thể gầy, còi cọc, chậm lớn (47,96%); rối loạn tiêu hóa kéo dài, khi táo bón, khi ỉa chảy (52,04%); ỉa chảy nặng, phân đôi khi có máu (20,41%); trong quá trình ký sinh, sán tiết độc tố làm chó ăn ít, nôn mửa (17,35%) và số có triệu chứng thần kinh ngứa, run rẩy, đi xiêu vẹo (6,12%).

Kết quả theo dõi triệu chứng lâm sàng của chó nhiễm sán dây tại Thái Nguyên của chúng tôi phù hợp với mô tả của Vương Đức Chất và Lê Thị Tài (2004) [4], Lê Hữu Nghị, Nguyễn Văn Duệ (2000) [5], Nguyễn Hữu Hưng và Cao Thanh Bình (2009) [6].

Bảng 2. Tỷ lệ và các biểu hiện lâm sàng chủ yếu của chó bị bệnh sán dây

Số chó theo dõi (con)	Số chó có triệu chứng (con)	Tỷ lệ (%)	Các triệu chứng chủ yếu		
			Triệu chứng	Số chó (con)	Tỷ lệ (%)
135	98	72,59	Phân có đốt sán dây	98	100
			Chó thường cụp đuôi, ngoảnh lại liếm hậu môn hoặc cọ hậu môn xuống nền	62	63,27
			Gầy còm, còi cọc, chậm lớn	47	47,96
			Rối loạn tiêu hóa kéo dài: khi táo, khi ỉa chảy.	51	52,04
			Nôn mửa, ăn ít	17	17,35
			Ỉa chảy nặng, phân đôi khi có máu	20	20,41
			Có triệu chứng thần kinh nhẹ: ngứa, run rẩy, đi xiêu vẹo	6	6,12

Bảng 3. Bệnh tích đại thể ở cơ quan tiêu hóa chó bị bệnh sán dây

Số chó nhiễm sán dây (con)	Số chó có bệnh tích (con)	Tỷ lệ (%)	Những bệnh tích đại thể chủ yếu		
			Những bệnh tích chủ yếu	Số chó (con)	Tỷ lệ (%)
112	53	47,32	Niêm mạc ruột sần sùi, phủ chất nhầy, màu vàng nhạt	28	52,83
			Niêm mạc ruột xuất huyết, phủ chất nhầy đặc, màu hơi đỏ	15	28,30
			Niêm mạc ruột viêm, có nhiều nốt loét nhỏ	10	18,87
			Trong lòng ruột chứa đầy chất nhầy đặc, màu nâu đỏ, mùi thối và có nhiều sán sán dây	12	22,64
			Trên niêm mạc ruột có nhiều nốt sần lớn, kích thước 0,5 - 1 cm	6	11,32

3.4. Sự thay đổi một số chỉ tiêu huyết học ở chó bị bệnh sán dây

Chúng tôi đã lấy máu của 10 chó bị nhiễm sán dây nặng để nghiên cứu sự thay đổi một số chỉ tiêu huyết học, kết quả thể hiện lần lượt ở bảng 4 và bảng 5.

Bảng 4. Sự thay đổi một số chỉ số huyết học của chó khỏe và chó bệnh

Lô	Chó khỏe ($\bar{X} \pm m_{\bar{x}}$)	Chó bệnh ($\bar{X} \pm m_{\bar{x}}$)	Mức ý nghĩa (P)
Số mẫu máu (mẫu)	10	10	-
Số lượng hồng cầu (triệu/ mm ³)	7,20 $\pm$ 0,20	4,69 $\pm$ 0,22	< 0,001
Số lượng bạch cầu (nghìn/ mm ³)	9,30 $\pm$ 0,11	13,89 $\pm$ 0,71	< 0,001
Hàm lượng huyết sắc tố (g%)	14,70 $\pm$ 0,52	11,58 $\pm$ 0,37	< 0,001
Tỷ khối hồng cầu (%)	46,60 $\pm$ 2,31	37,7 $\pm$ 1,68	< 0,01

Bảng 5. Sự thay đổi công thức bạch cầu của chó khỏe và chó bệnh

Lô	Chó khỏe ($\bar{X} \pm m_{\bar{x}}$)	Chó bệnh ($\bar{X} \pm m_{\bar{x}}$)	Mức ý nghĩa (P)
Số mẫu máu (mẫu)	10	10	-
Bạch cầu trung tính (%)	62,86 $\pm$ 0,39	59,03 $\pm$ 0,45	< 0,001
Bạch cầu ái toan (%)	5,97 $\pm$ 0,09	9,08 $\pm$ 0,12	< 0,001
Bạch cầu ái kiềm (%)	0,91 $\pm$ 0,06	1,08 $\pm$ 0,56	< 0,05
Bạch cầu lâm ba cầu (%)	24,83 $\pm$ 0,38	25,19 $\pm$ 0,24	> 0,05
Bạch cầu đơn nhân lớn (%)	5,43 $\pm$ 0,22	5,61 $\pm$ 0,15	> 0,05

Kết quả bảng 4 cho thấy:

- Xét nghiệm máu của nhóm chó khỏe: số lượng hồng cầu là 7,20 triệu/ mm³ máu; số lượng bạch cầu là 9,30 nghìn/ mm³ máu; hàm lượng huyết sắc tố là 14,70 g%; tỷ khối hồng cầu là 46,60%.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Hoàng Toàn Thắng và Cao Văn (2006) [8]; Chu Đức Thắng (2007) [9], chúng tôi thấy số lượng hồng cầu, bạch cầu, hàm lượng huyết sắc tố, tỷ khối hồng cầu của chó khỏe nằm trong giới hạn sinh lý bình thường.

- Nhóm chó bị bệnh sán dây có: số lượng hồng cầu là 4,69 nghìn/mm³ máu; số lượng bạch cầu 13,89 nghìn/mm³ máu; hàm lượng huyết sắc tố 11,58 g%, tỷ khối hồng cầu 37,70%.

So sánh các chỉ số máu giữa chó khỏe và chó bệnh, chúng tôi nhận thấy, chó mắc bệnh sán dây có số lượng hồng cầu, hàm lượng huyết sắc tố, tỷ khối hồng cầu giảm, số lượng bạch cầu tăng.

Kết quả bảng 5 cho thấy:

- Nhóm chó khỏe: tỷ lệ bạch cầu trung tính là 62,86%; bạch cầu ái toan là 5,97%; bạch cầu ái kiềm là 0,91%; bạch cầu đơn nhân lớn là 5,43%; lâm ba cầu là 24,83%.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Hoàng Toàn Thắng và Cao Văn (2006) [8] chúng tôi thấy, tỷ lệ các loại bạch cầu của nhóm chó khỏe đều nằm trong giới hạn sinh lý bình thường.

- Nhóm chó bị bệnh: tỷ lệ bạch cầu trung tính là 59,03%; bạch cầu ái toan là 9,08%; bạch cầu ái kiềm là 1,08%; bạch cầu đơn nhân lớn là 5,61%; lâm ba cầu là 25,19%.

So sánh với công thức bạch cầu của nhóm chó khỏe, chúng tôi thấy tỷ lệ các loại bạch cầu có sự thay đổi: tỷ lệ bạch cầu ái toan tăng, bạch cầu trung tính giảm (P<0,001); bạch cầu ái kiềm tăng nhẹ (P = 0,43); bạch cầu lâm ba, đơn nhân lớn thay đổi không đáng kể (P > 0,05).

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với quy luật thay đổi chỉ số huyết học của tác giả Nguyễn Thị Kim Lan (2012) [10]: khi cơ thể cảm nhiễm ký sinh trùng đường ruột thì bạch cầu ái toan tăng lên; hiện tượng tăng bạch cầu ái toan được dùng làm yếu tố chẩn đoán bệnh giun, sán.

4. Kết luận

- Tỷ lệ nhiễm sán dây ở chó qua xét nghiệm phân là 38,44%.

- Chó bị nhiễm sán dây thường gây yếu, kém ăn, rối loạn tiêu hóa, một số trường hợp nặng còn xuất hiện triệu chứng thần kinh.

- Tỷ lệ chó có bệnh tích đại thể ở ruột do sán dây gây ra là 47,32%. Khi ký sinh trong ống tiêu hóa, các móc bám của sán tác động trong ruột của chó làm niêm mạc ruột bị tổn thương, sần sùi; lượng sán ký sinh nhiều, niêm mạc ruột viêm, loét và xuất huyết.

- Chó bị bệnh sán dây có số lượng hồng cầu giảm, số lượng bạch cầu tăng, hàm lượng huyết sắc tố, tỷ khối hồng cầu giảm, tỷ lệ bạch cầu trung tính giảm thấp, tỷ lệ bạch cầu ái toan tăng cao so với chó khỏe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. D. To, and G. Xuan, *Pet raising manual, prevention and treatment of common dog and cat diseases*. Social labour publishing house, 2006, pp. 69-72.
- [2]. Q. H. Bui, *Preventing transmission of parasitic diseases from animals to human*. Agricultural Publishing house, Hanoi, 2006, pp. 123-127.
- [3]. K. I. Skrjabin, and A. M. Petrov, *Principles of veterinary nematode subjects*. Science and Technology Publishing House, 1963, pp. 102-104.
- [4]. D. C. Vuong, and T. T. Le, *Prevention and treatment of common dog and cat diseases*. Agricultural Publishing house, Hanoi, 2004, pp. 80-83.
- [5]. H. N. Le, and V. D. Nguyen, "Current situation and efficacy of common drugs against Helminthic infections in dog in Hue city," *Journal of Veterinary Science and Technology*, vol. XII, no. 4, pp. 58-62, 2000.
- [6]. H. H. Nguyen, and T. B. Cao, "Current situation and efficacy of common drugs against Helminthic infections in dog in Can Tho city," *Journal of Veterinary Science and Technology*, vol. XVI, no. 4, p. 66, 2009.
- [7]. S. L. Pham, A. T. Tran, V. B. Bui, and L. P. Vuong, *Dog raising manual, prevention and treatment for dog disease*. Social labour publishing house, 2006, pp. 117-120.
- [8]. T. T. Hoang, and V. Cao, *domestic animal physiology*. Agricultural Publishing house, Hanoi, 2006, pp. 44-53.
- [9]. D. T. Chu, V. N. Ho, and N. T. Pham, *Clinical examination of livestock*. Hanoi publishing house, 2007, pp. 45-52.
- [10]. T. K. L. Nguyen, *Parasites and parasitic diseases of domestic animals*. Agricultural Publishing house, Hanoi, 2012, pp. 111-115.